TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 154/2021/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 25 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 214/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: anh Trần Văn S, sinh năm 1990

Địa chỉ: số 396, ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: chị Cao Thị Trúc H, sinh năm 1991

Địa chỉ: số 598, ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Trần Văn S và chị Cao Thị Trúc H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: anh Trần Văn S và chị Cao Thị Trúc H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Cao Thị Trúc H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Cao An N; sinh ngày 31/3/2020 (con đang sinh sống với chị H).

Anh Trần Văn S có quyền đến thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh S đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Trần Cao An N mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi An N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2021.

- Về tài sản chung: Anh Trần Văn S được quyền sỡ hữu 05 chỉ vàng 24kr, được quy đổi thành tiền là 25.000.000 đồng.

Chị Cao Thị Trúc H đồng ý giao cho anh Trần Văn S 25.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về nợ chung: anh S và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Văn S tự nguyện nộp 150.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị Cao Thị Trúc H nộp 625.000 đồng án phí chia tài sản.

Số tiền tạm ứng án phí 2.091.000 đồng anh S đã nộp ngày 09/6/2021 theo biên lai số 0015624, 0015625 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành sẽ được chuyển thành án phí anh S phải nộp. Anh S được nhận lại 1.791.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0015625 ngày 09/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- UBND xã P1;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Thị Thiêm